

Bản án số 20/2019/HNGĐ-PT

Ngày 18 - 9 - 2019

“V/v tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phồn.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hải Minh

Bà Thái Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 27/2019/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp nuôi con”. Do Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 14/2019/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐ-PT ngày 29 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1988; địa chỉ: Xóm 4, xã N1, huyện N, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa

- Bị đơn: Anh Vương Hồng T, sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm Đ1, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

* Người kháng cáo: Bị đơn anh Vương Hồng T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 22 tháng 3 năm 2019, bản tự khai, lời khai trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy H trình bày:

Chị H và anh Vương Hồng T kết hôn ngày 24 tháng 10 năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An; hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được hơn hai

năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau, anh T có hành vi đánh đập, bạo hành chị H nên hiện tại vợ chồng không sống chung, không quan tâm, chăm sóc nhau nữa. chị H xác định không thể kéo dài cuộc hôn nhân nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị H có 01 con chung là cháu Vương Hoàng K, sinh ngày 26 tháng 01 năm 2015. Vợ chồng ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung và các khoản nợ của vợ chồng: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Vương Hồng T thống nhất với lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy H về xác lập quan hệ hôn nhân và điều kiện chung sống. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh T chung sống hạnh phúc bình thường được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không tin tưởng nhau, chị H đã cào cấu và xé rách áo của anh T. Vì con còn nhỏ nên anh T mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T đồng ý ly hôn vì vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị H trình bày. Vợ chồng ly hôn, anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu Chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và các khoản nợ của vợ chồng: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, tranh chấp về nuôi con giữa chị Nguyễn Thị Thúy H và anh Vương Hồng T thì được ông Võ Cát L, Xóm trưởng xóm Đ 1, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An cung cấp thông tin như sau: Chị H và anh T kết hôn năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ chồng tại xóm Đ1, xã K. Quá trình chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn nhưng nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể thì không rõ. Chị H đã từng gửi đơn ly hôn lên Tòa án sau đó rút đơn đoàn tụ vợ chồng và anh T đi xuất khẩu lao động đến năm 2018 thì về nước. Chị H và anh T có 01 con chung như các đương sự trình bày. Thời gian gần đây, vợ chồng mâu thuẫn nên ít thấy Chị H và con chung sinh sống tại địa phương mà chị H sống tại ốt bán thuốc tây ở xã N1.

Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 14/2019/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thúy H và anh Vương Hồng T.

- Về nuôi con chung: Buộc anh Vương Hồng T giao con chung Vương Hoàng K, sinh ngày 26 tháng 01 năm 2015 cho chị Nguyễn Thị Thúy H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Buộc anh Vương Hồng T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ tháng 6 năm 2019 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở người đó thực hiện quyền này.

- Về chia tài sản chung và các khoản nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau có phát sinh tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện đến Tòa án bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự trong vụ án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12 tháng 6 năm 2019, bị đơn Vương Hồng T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giao con chung cháu Vương Hoàng K cho anh T chăm sóc nuôi dưỡng và không yêu cầu chị Nguyễn Thị Thúy H cấp dưỡng. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy H không đồng ý với kháng cáo của anh T, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, giao cháu Vương Hoàng K cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán được phân công đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự, thủ tục phiên tòa.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 294 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quyền tranh tụng của các đương sự được bảo đảm.

- Về thủ tục kháng cáo: Bị đơn anh Vương Hồng T kháng cáo trong thời hạn luật định, có nộp tiền tạm ứng án phí nên được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết vụ án là đúng pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Vương Hồng T, sửa bản án sơ thẩm; giao cháu Vương Hoàng K, sinh ngày 26 tháng 01 năm 2015 cho anh Vương Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị Nguyễn Thị Thúy H do anh T không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã hỏi ý kiến của các đương sự về việc có thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án hay không nhưng các đương sự không thỏa thuận được. Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Tại Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 14/2019/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An đã quyết định giao con chung cháu Vương Hoàng K, sinh ngày 26 tháng 01 năm 2015 cho chị Nguyễn Thị Thúy H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi và buộc bị đơn anh Vương Hồng T phải cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ tháng 6 năm 2019 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn anh Vương Hồng T kháng cáo đề nghị Tòa án giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và không yêu cầu Chị H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn anh Vương Hồng T:

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Nguyễn Thị Thúy H và anh Vương Hồng T đều trình bày nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cháu Vương Hoàng K. Chị H hiện làm nghề bán thuốc tây, theo lời khai của chị thì thu nhập hàng tháng khoảng từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng; anh T làm nghề lái xe, thu nhập hàng tháng khoảng 8.000.000 đồng. Xét điều kiện kinh tế, tâm tư nguyện vọng của chị H và anh T thì việc giao cháu K cho ai trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng thì đều chính đáng và phù hợp.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu Vương Hoàng K sinh ngày 26 tháng 01 năm 2015, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm và phúc thẩm thì cháu K mới hơn 04 tuổi, là độ tuổi cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ. Theo lời khai của các đương sự thì sau khi vợ chồng sống ly thân, cháu K sống với ông bà nội. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T thừa nhận anh từng có thời gian đi xuất khẩu lao động nên việc chăm sóc cháu K đều do chị H thực hiện. Từ khi xét sơ thẩm đến nay, chị H đã đón cháu K về ở và theo học trường mầm non tại xã N1, huyện N, tỉnh Nghệ An (nơi

Chị H cư trú). Mặc dù chị H đang mang thai con thứ hai (theo chị H thì chị mang thai với anh T) nhưng chị có nguyện vọng tha thiết được nuôi cháu K. Xét thấy, chị H có đủ điều kiện nuôi con và để tạo sự ổn định, các điều kiện tốt nhất cho con sinh sống, học tập thì cần giao cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, cháu sóc cháu K là thỏa đáng và hợp tình, hợp lý. Về chi phí cấp dưỡng nuôi con, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng 1.500.000 đồng là phù hợp với điều kiện kinh tế tại địa phương cháu K đang sinh sống, học tập và hoàn cảnh kinh tế của anh T. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của anh Vương Hồng T, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Bị đơn anh Vương Hồng T kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Vương Hồng T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình; xử:

Về nuôi con chung: Buộc anh Vương Hồng T giao con chung cháu Vương Hoàng K, sinh ngày 26 tháng 01 năm 2015 cho chị Nguyễn Thị Thúy H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu K trưởng thành đủ 18 tuổi. Buộc anh Vương Hồng T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu, năm trăm nghìn đồng) kể từ tháng 6 năm 2019 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở người đó thực hiện quyền này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7, 8 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị đơn anh Vương Hồng T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0002252 ngày 12 tháng 6 năm 2019.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Nam Đàn;
- Chi cục THADS huyện Nam Đàn;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đăng Phôn